

**THÔNG TIN THUỐC tháng 08/2023**

V/v thông tin sử dụng một số thuốc mới đã trúng thầu  
(Cilnidipine-5a Farma 10mg, Fentania 10, Milrinone-BFS, Fendexi, D.E.P) và tình trạng một số  
thuốc hiện có tại bệnh viện

Kính gửi: Các khoa, phòng tại Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu.

Căn cứ Thông tư số 22/2011/TT-BYT ngày 10/6/2011 của Bộ Y tế Quy định tổ chức và hoạt động của khoa Dược bệnh viện;

Căn cứ Thông tư số 20/2022/TT-BYT ngày 31/12/2022 của Bộ Y tế Ban hành danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với thuốc hóa dược, sinh phẩm, thuốc phóng xạ và chất đánh dấu thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế;

Căn cứ vào tình hình sử dụng thuốc tại khoa lâm sàng và các thuốc trúng thầu hiện tại,

Nhằm cung cấp thông tin thuốc kịp thời, đảm bảo sử dụng thuốc an toàn, hiệu quả và hợp lý tại bệnh viện, Đơn vị Thông tin thuốc tóm tắt thông tin sử dụng một số thuốc mới, đã trúng thầu và tình trạng một số thuốc hiện có tại bệnh viện như sau:

**1. Thông tin một số thuốc mới, đã trúng thầu tại bệnh viện**

**Bảng. Tóm tắt thông tin sử dụng một số thuốc trúng thầu tại bệnh viện**

TT	Thuốc	Hướng dẫn sử dụng
1.	Cilnidipin 10mg (Cilnidipine- 5a Farma 10mg)	<ul style="list-style-type: none"><li>- <b>Nhóm tác dụng dược lý:</b> Thuốc điều trị tăng huyết áp. Thuốc chẹn kênh calci thế hệ thứ 4.</li><li>- <b>Dược động học:</b> Cilnidipin đạt nồng độ tối đa sau 2 giờ. Thời gian bán thải của Cilnidipin là 20,4 phút.</li><li>- <b>Chỉ định:</b> Cilnidipine được chỉ định để điều trị tăng huyết áp.</li><li>- <b>Liều dùng – Cách dùng:</b> + Uống 1 lần/ ngày sau bữa ăn sáng + Liều dùng 5 – 10 mg / lần / ngày. Chính liều theo tuổi và triệu chứng của bệnh nhân. Có thể tăng liều lên 20 mg/ lần / ngày theo chỉ định của bác sĩ.</li><li>+ Người bị tăng huyết áp nặng: dùng liều 10 – 20 mg / lần / ngày.</li><li>- <b>Chống chỉ định:</b> + Bệnh nhân quá mẫn với cilnidipin hoặc bất kỳ thành phần nào của thuốc. + Phụ nữ có thai hoặc phụ nữ có khả năng đang mang thai.</li></ul>
2.	Dapagliflozin 10mg (Fentania 10)	<ul style="list-style-type: none"><li>- <b>Nhóm tác dụng dược lý:</b> Thuốc hạ đường huyết. Thuốc ức chế kênh đồng vận chuyển natri – glucose 2 (SGLT2)</li><li>- <b>Dược động học:</b> Dapagliflozin liên kết với protein khoảng 91%. Thời gian bán thải trung bình (<math>t_{1/2}</math>) của dapagliflozin ở người khỏe mạnh là 12,9 giờ sau khi uống liều dapagliflozin 10 mg.</li><li>- <b>Chỉ định:</b> Dapagliflozin được chỉ định cho bệnh nhân từ 18 tuổi trở lên bị đái tháo đường tít 2 nhằm kiểm soát đường huyết trong:</li><li>- Đơn trị liệu: Khi chế độ ăn kiêng và luyện tập không kiểm soát tốt đường huyết cho những bệnh nhân không thích hợp sử dụng metformin do không dung nạp.</li><li>- Trị liệu phối hợp bổ sung: Phối hợp với các thuốc làm giảm đường huyết khác kể cả insulin khi các thuốc này kết hợp với chế độ ăn kiêng và luyện tập không kiểm soát tốt đường huyết.</li><li>- <b>Liều dùng:</b> Đơn trị liệu và trị liệu phối hợp bổ sung: Liều khuyến cáo là 10 mg dapagliflozin, 1 lần/ngày trong đơn trị liệu hoặc trong trị liệu phối hợp bổ sung với thuốc làm giảm glucose trong máu khác kể cả insulin.</li><li>- <b>Cách dùng:</b> Dùng uống.</li><li>- <b>Chống chỉ định:</b> Quá mẫn với dapagliflozin.</li><li>- <b>Quy bảo hiểm y tế thanh toán 70%.</b></li></ul>

TT	Thuốc	Hướng dẫn sử dụng
3.	Milrinon 10mg/10ml (Milrinone-BFS)	<p>- <b>Nhóm tác dụng dược lý:</b> Thuốc điều trị suy tim. Thuốc ức chế chọn lọc Phosphodiesterase.</p> <p>- <b>Dược động học:</b> Khoảng 70% thuốc gắn vào protein huyết tương. Thời gian bán thải là 2,3 giờ.</p> <p>- <b>Chỉ định:</b>- Người lớn: Điều trị ngắn hạn suy tim sung huyết nghiêm trọng không đáp ứng với điều trị duy trì thông thường và điều trị bệnh nhân suy tim cấp, kể cả tình trạng sức khỏe xấu sau phẫu thuật tim.</p> <p>- Trẻ em: Điều trị ngắn hạn (lên đến 35 giờ) suy tim sung huyết nặng không đáp ứng với điều trị duy trì thông thường (glycosid, thuốc lợi tiểu, thuốc ức chế men chuyển (ACE)), điều trị ngắn hạn (lên đến 35 giờ) suy tim cấp, bao gồm cả tình trạng sức khỏe xấu sau phẫu thuật tim.</p> <p>- <b>Liều dùng – Cách dùng:</b> Tiêm tĩnh mạch: + Người lớn: Liều ban đầu: 50 microgam/kg, tiêm tĩnh mạch chậm trong khoảng thời gian ít nhất là 10 phút, sau đó truyền với liều lượng 0,375 - 0,75 microgam/kg/phút tùy theo đáp ứng lâm sàng, nhưng không vượt quá 1,13 microgam/kg/ngày. + Trẻ em: Liều dùng nạp tĩnh mạch: 50-75microgam/kg trong 30-60 phút. Tiêm truyền liên tục tĩnh mạch: bắt đầu ở liều 0,25-0,75microgam/kg/phút trong thời gian lên đến 35 giờ.</p> <p>+ Bệnh nhân suy thận: Cần hiệu chỉnh liều</p> <p>- <b>Chống chỉ định:</b> Mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của thuốc. Giảm thể tích tuần hoàn trầm trọng</p>
4.	Fusidic acid 2%; 15g (Fendexi)	<p>- <b>Nhóm tác dụng:</b> Thuốc điều trị bệnh da liễu.</p> <p>- <b>Chỉ định:</b> Điều trị nhiễm khuẩn da do các chủng nhạy cảm như <i>Staphylococcus aureus</i>, <i>Streptococci</i>, <i>Propionibacterium acnes</i>, <i>Corynebacterium minutissimum</i> và các chủng nhạy cảm với acid fucidic.</p> <p>- <b>Liều dùng và cách dùng:</b> + Vết thương hở: thoa thuốc nhẹ lên vùng da tổn thương 3-4 lần mỗi ngày. + Vết thương kín: có thể bôi thuốc ít lần hơn.</p> <p>- <b>Chống chỉ định:</b> + Nhiễm trùng gây bởi các chủng không nhạy cảm, nhất là <i>Pseudomonas aeruginosa</i>. + Bệnh nhân quá mẫn cảm với acid fucidic hoặc các muối của acid này.</p> <p>- <b>Tương tác thuốc:</b> Khả năng có thể xảy ra tương tác với các thuốc chuyển hóa bởi enzyme cytochrome P450.</p>
5.	Diethylphtalat 9,5g/ lọ 10g (D.E.P)	<p>- <b>Nhóm tác dụng:</b> Thuốc điều trị bệnh da liễu.</p> <p>- <b>Chỉ định:</b> + Trị ghè ngứa. + Phòng và trị ngứa do côn trùng đốt ( muỗi, mạt, ve, bọ chét), vắt và đĩa.</p> <p>- <b>Cách dùng:</b> + Bôi D.E.P vào vết ghè hoặc vết côn trùng đốt, ngày 2-3 lần. Nên tắm sạch (xát mạnh xà phòng vào nốt ghè và rửa sạch), lau khô trước khi bôi thuốc. + Bôi một lớp mỏng D.E.P lên những vùng da hờ trước khi vào những chỗ có côn trùng ( muỗi, mạt, ve, bọ chét), vắt, đĩa.</p> <p>- <b>Chống chỉ định:</b> Mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của thuốc.</p>

Tài liệu tham khảo: *Tờ thông tin hướng dẫn sử dụng từ nhà sản xuất, Dược thư Quốc gia Việt Nam năm 2022,...*

## 2. Tình trạng một số thuốc hiện có tại bệnh viện

STT	Mã số	Tên hoạt chất	Nồng độ/hàm lượng	Biệt dược	Tình trạng
1	TRA110	Tramadol	100mg/2ml	Trasolu 100mg/2ml	Sẵn có
2	SEN001	Ampicilin + sulbactam	1g + 0.5g	Senitram 1g/0,5g	Sẵn có
3	TAZ003	Piperacilin + tazobactam	4g + 0.5g	Tazopelin 4,5g	Sẵn có

Nay thông báo để các khoa lâm sàng nắm thông tin và chủ động trong công tác điều trị. Trong quá trình sử dụng thuốc, các khoa phòng cần thông tin hỗ trợ liên hệ Đơn vị Thông tin thuốc ./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu: khoa Dược.



KT. GIÁM ĐỐC  
P. GIÁM ĐỐC

ĐV THÔNG TIN THUỐC

Nguyễn Ích Tuấn

DS. Viên Cẩm Tír